

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ V
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 28/07/2021

“V/v tranh chấp ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ V - NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Nữ Hạnh Dung

Các hội thẩm nhân dân: ông Nguyễn Công Thắm và bà Phan Kim Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Anh - Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố V, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 07 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2021/TLST-HNGĐ ngày 17/03/2021 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 50/2021/QĐXXST ngày 18 tháng 06 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 28/2021/QĐST ngày 08 tháng 07 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Sỹ Đ - sinh năm 1977

Nơi ĐKKHKT: khối T, phường B, TP.V, tỉnh Nghệ An - Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Trương Thị H - sinh năm 1978;

Nơi ĐKKHKT: khối T, phường B, TP.V, tỉnh Nghệ An - Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/03/2021, bản tự khai ngày 14/04/2021 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, nguyên đơn là Anh Nguyễn Sỹ Đ trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh và chị Trương Thị H là vợ chồng, có tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01 do UBND xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An cấp ngày 12/02/1999. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc tại khối T, phường B, TP.V, tỉnh Nghệ An đến khoảng cuối năm 2008 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Vợ chồng thường xuyên cãi vã gây bất hòa trong gia đình. Nguyên nhân là do tính tình và quan điểm sống của cả hai vợ chồng không còn phù hợp với nhau nữa. Sau đó một thời gian thì chị H bỏ nhà đi đến nay, anh đã nhiều lần tìm cách liên lạc với chị nhưng không được. Vợ chồng anh cũng sống ly thân

không qua lại, thăm hỏi nhau từ đó đến nay. Hiện nay, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, tình cảm vợ chồng không cải thiện được. Nay anh Đ xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng không thể khắc phục được nên yêu cầu Tòa án xử cho anh được ly hôn với chị H để ổn định cuộc sống.

Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sỹ D - sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Sỹ T – sinh ngày 22/08/2007. Ly hôn anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T vì cháu T đã sống với anh từ nhỏ, chị H một mình bỏ nhà đi mà không quan tâm đến con cái, anh cũng không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con chung. Đối với cháu D đã đủ tuổi trưởng thành, đã có cuộc sống riêng nên anh không có ý kiến gì, nếu cháu D muốn ở với anh thì anh cũng đồng ý.

Về quan hệ tài sản: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, bị đơn là chị Trương Thị H đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Tòa án đã tiến hành xác minh thì chị Trương Thị H hiện nay vẫn đang đăng ký hộ khẩu thường trú tại khối T, phường B, TP.V, tỉnh Nghệ An, tuy nhiên trong vài năm trở lại đây thì chị H không còn sinh sống tại địa phương nữa. Tòa án đã tiến hành lấy lời khai và tổng đạt trực tiếp các Thông báo thụ lý; Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải... cho bà Trương Thị T1 là mẹ đẻ của chị H và niêm yết các văn bản trên tại nơi cư trú cuối cùng của chị H, đồng thời đăng thông báo giải quyết vụ án trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định nhưng chị H vẫn không có mặt tại Tòa án để giải quyết nên vụ án không tiến hành hòa giải được.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố V tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng: nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt là không chấp hành đúng quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS. Về việc giải quyết vụ án: áp dụng Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử: xử cho Anh Nguyễn Sỹ Đ được ly hôn với chị Trương Thị H; về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Nguyễn Sỹ D - sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Sỹ T – sinh ngày 22/08/2007, cháu D đã đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai là do cháu quyết định, cháu T đang ở cùng anh Đ nên đề

ngợi giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành, đề nghị tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng cho chị H do anh Đ không yêu cầu; về tài sản: đề nghị HĐXX không xem xét; về án phí: anh Đ phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về tranh chấp ly hôn. Bị đơn có đăng kí nhân khẩu thường trú tại khối T, phường B, thành phố V nhưng vài năm nay trở lại đây chị Trương Thị H đã bỏ đi khỏi địa phương mà không thông báo cho nguyên đơn (anh Nguyễn Sỹ Đ) biết, Tòa án nhân dân thành phố V đã ra Quyết định sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 15/2020/QĐST-VDS ngày 14/12/2020 về việc yêu cầu thông báo tìm kiếm người vắng mặt tại nơi cư trú đối với chị Trương Thị H nhưng hiện vẫn chưa có tin tức gì của chị H. Qua xác minh tại bà Trương Thị T1 (sinh năm 1953, trú tại: xóm N, xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An) là mẹ đẻ của chị H thì được biết chị H bỏ nhà đi nhưng không về nhà bà T1 và cũng không để lại địa chỉ đi đâu, một số lần liên lạc bằng điện thoại về nhà thì chị H chỉ nói với bà T1 là đang làm việc tại miền Nam, không nói địa chỉ cụ thể ở đâu. Từ những tình tiết trên thể hiện việc bị đơn cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án nhân dân thành phố V thụ lý giải quyết vụ án này là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a, khoản 2, Điều 6 Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/05/2017 của Hội đồng Thẩm phán TANDTC hướng dẫn một số quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều 192 BLTTDS số 92/2015/QH13 về trả lại đơn khởi kiện, quyền nộp đơn khởi kiện lại vụ án. Tuy nhiên quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, chị Trương Thị H là bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không rõ lý do. Theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt chị H.

[2]. Về nội dung: Xét các yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Sỹ Đ và chị Trương Thị H là vợ chồng, kết hôn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện Q, tỉnh Nghệ An ngày 12/02/1999. Vì vậy, quan hệ hôn nhân giữa anh Đ và chị H là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Theo lời trình bày của nguyên đơn và kết quả xác minh tại nơi cư trú cũng như xác minh tại mẹ đẻ của chị H (bà Trương Thị T1) cho thấy: quá trình chung sống giữa anh Đ và chị H hạnh phúc được một thời gian, sau đó thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xảy ra cãi vã lẫn nhau; năm 2008 chị H

đã bỏ nhà đi và anh Đ, chị H đã sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm chăm sóc gì nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình, quan điểm sống không còn phù hợp. Hội đồng xét xử thấy rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng anh Đ và chị H đã đến mức trầm trọng, thời gian ly thân đã lâu, từ khi ly thân nhau đến nay cũng không liên lạc gì với nhau và cũng không có giải pháp hay thiện chí để đoàn tụ gia đình. Quá trình giải quyết vụ án, chị Trương Thị H không đến Tòa án để làm việc nên cũng không đề ra được phương án gì để khắc phục tình trạng vợ chồng và chứng tỏ chị H cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm. Tại phiên tòa, anh Đ kiên quyết xin ly hôn, chứng tỏ tình trạng mâu thuẫn của vợ chồng đã thực sự trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc anh Đ yêu cầu giải quyết ly hôn là phù hợp với quy định tại Điều 51, 53, 56 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận.

- Về quan hệ con chung: Qua lời khai của anh Đ và kết quả xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy: Quá trình chung sống anh Đ và chị H có 02 con chung là Nguyễn Sỹ D - sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Sỹ T – sinh ngày 22/08/2007. Ly hôn anh Đ có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T đến khi trưởng thành, chị H không có ý kiến gì. Cháu D đã đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai là do cháu quyết định. Xét nguyện vọng của anh Đ là chính đáng, hiện cháu T đang sinh sống cùng anh, để đảm bảo cuộc sống ổn định cho các cháu nên cần giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành là phù hợp.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

- Về quan hệ tài sản chung: anh Đ không yêu cầu Tòa án giải quyết, chị H vắng mặt không có ý kiến trình bày về yêu cầu giải quyết quan hệ tài sản chung nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Về án phí: anh Đ phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 điều 40, Điều 147, khoản 2 Điều 227; Điều 266; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 55, 58, Luật 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử : Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Anh Nguyễn Sỹ Đ.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho Anh Nguyễn Sỹ Đ được ly hôn giữa chị Trương Thị H.

2. Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống anh Đ và chị H có 02 con chung là Nguyễn Sỹ D - sinh ngày 01/01/2000 và Nguyễn Sỹ T – sinh ngày 22/08/2007. Giao cháu T cho anh Đ trực tiếp nuôi dưỡng đến khi trưởng thành. Cháu D đã đủ tuổi trưởng thành nên việc ở với ai là do cháu quyết định.

Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị H do anh Đ không yêu cầu.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ đi lại, thăm nom chăm sóc con chung không ai được ngăn cấm.

3. Về tài sản: Anh Đ, chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên miễn xét.

4. Về án phí: Anh Nguyễn Sỹ Đ phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí ly hôn nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí anh Đ đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố V theo biên lai số AA/2020/0003228 ngày 11/03/2021.

5. Nguyên đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

6. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự./.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An
- VKSND TP. V
- Chi cục THADS TP. V
- UBND phường B, TP.V, tỉnh N.An
- Các đương sự
- Lưu HS

Hồ Nữ Hạnh Dung